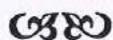




CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

DANH MỤC TÀI LIỆU



1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
3. Quy chế bầu cử HĐQT, BKS;
4. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019;
6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019;
7. Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018;
8. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
9. Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch 2019;
10. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019;
12. Tờ trình miễn nhiệm và đề cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Bắt đầu lúc 8h00 ngày 31 tháng 05 năm 2019)

Thời gian	Nội dung
7h15 - 8h00	<ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp đại biểu và cổ đông. - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự.
8h00 - 8h15	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. - Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tịch đoàn. - Chủ tọa giới thiệu Ban thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết. - Chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội. - Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội.
8h15 - 09h30	<p>Các vấn đề thông qua tại Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Giám đốc về Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch năm 2019; - Báo cáo Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019; - Báo cáo Kết quả hoạt động của BKS năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; - Báo cáo các vấn đề khác (nếu có). <p>Các tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; - Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2018; - Tờ trình Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty năm 2018 và kế hoạch năm 2019; - Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019; - Tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT;
9h30- 10h15	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội thảo luận các nội dung và tiến hành biểu quyết từng vấn đề. - Ban kiểm phiếu làm việc. - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
10h15 - 10h45	<p>Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2022</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử; - Đại hội tiến hành bầu cử.
10h45 - 11h05	Nghỉ giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc
11h05 - 11h15	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả bầu cử. - Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới ra mắt Đại hội.
11h15 - 11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký đọc Biên bản Đại hội. - Chủ tọa đọc Nghị quyết Đại hội. - Đại hội biểu quyết thông qua. - Chủ tịch đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày 22/04/2018 (ngày đăng ký cuối cùng) đều có quyền tham dự Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre;
2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định; cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi đi ra ngoài hội trường phải thông báo cho Ban thư ký và được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt;
7. Trường hợp Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Đoàn chủ tịch sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 06 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 05 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là người Chủ tọa Đại hội cổ đông. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HDQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội gồm 02 người (01 người làm thư ký và 01 người làm trợ lý thư ký) do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông /hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp (khi cần thiết);
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông/họặc đại diện theo ủy quyền, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 4 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 3 thành viên, do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tín nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ

phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 5 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội

I. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;
 - Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
 - Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 05 phút).
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty cập nhật lên website <http://www.vlxdbentre.com/>

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Các quy định chung

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) “**Thẻ biểu quyết**” màu vàng có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.
- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” màu xanh có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- Tán thành với nội dung vừa được trình;
- Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, đại biểu tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết, đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu ghi nhận mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Ý kiến khác. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.
- Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội. Phương thức này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình Đại hội.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết và một (01) thẻ biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 22/04/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: **4.049.006** cổ phần tương đương với **4.049.006** quyền biểu quyết.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, giải thể công ty: phải được số đại biểu đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp tán thành.
- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 9. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI THỊ THANH THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12 Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU BỔ SUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre thường niên năm 2019 như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCD : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người nhận ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung : 01 người
2. Nhiệm kỳ : 2018 - 2023
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13)
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu

của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên của BKS bầu bổ sung : 01 người
2. Nhiệm kỳ : 2018 - 2023
3. Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (*Theo Điều 164 của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13*)
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13;
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

V. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

VI. Qui định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (*Theo Điều 25 Điều lệ*)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VII. Quy định đề cử thành viên Ban kiểm soát (Theo Điều 37 Điều lệ)

Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT và BKS

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: www.vlxdbentre.com)

- Đơn xin đề cử vào HĐQT và BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có)
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định (theo mẫu)

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước **15h ngày 23/05/2019**

Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Địa chỉ: 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Điện thoại: (0275) 3822 315 - Fax: (0275) 3822 319

Liên hệ: Bà Bùi Minh Lý (094.88.99.658)

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

IX. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu HĐQT và BKS.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

X. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp*)
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

XI. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát hai (02) Phiếu bầu: một (01) phiếu bầu Hội đồng quản trị và một (01) phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát hai (02) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở “ô số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì
 - + Gạch tên các ứng cử viên
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 21 Điều lệ Công ty)

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

XII. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

MAI THỊ THANH THỦY



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

A. Tình hình chung :

Trong năm qua, BGD đã tập trung phát huy mọi nguồn lực để hoạt động đúng mục tiêu, định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tuy kết quả sản xuất kinh doanh không đạt như mong muốn nhưng đơn vị đã thực hiện đúng định hướng phát triển; giải quyết việc làm và đảm bảo cuộc sống cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác đúng quy định của Nhà nước; thực hiện tốt các phong trào, các chính sách an sinh xã hội do địa phương phát động.

1. Kết quả hoạt động năm 2018 :

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
						TH2018 /TH2017	TH2018/ KH2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Tổng doanh thu	1.000 đ	212.594.865	225.000.000	227.886.134	107%	101%
a	Bán hàng & cung cấp DV	1.000 đ	208.427.533	221.480.000	226.722.877	109%	102%
b	Thu nhập khác	1.000 đ	4.150.369	3.500.000	1.133.998	27%	32%
c	Thu nhập hoạt động TC	1.000 đ	16.963	20.000	29.259	172%	146%
	Chi phí khác	1.000 đ			84.635		
2	Tổng chi phí	1.000 đ	206.203.516	214.880.000	226.451.814	110%	105%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	6.391.349	6.600.000	1.434.319	22%	22%
4	Nộp ngân sách	1.000 đ	17.748.802	18.400.000	18.862.760	106%	103%

2. Đánh giá các lĩnh vực hoạt động SXKD :

2.1 Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
						TH2018 /TH2017	TH2018/ KH2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Giá trị HH mua vào	1.000 đ	102.276.317	115.000.000	104.786.598	102%	91%
2	Tổng sản lượng mua vào						
	Ximăng các loại	tấn	46.992	56.000	43.531	93%	78%
	Đá các loại	m ³	32.876	33.500	24.771	75%	74%
	Cát xây dựng	m ³	23.830	24.000	12.946	54%	54%
	Thép xây dựng	tấn	1.329	1.450	1.343	101%	93%
3	Tổng sản lượng tiêu thụ						
	Ximăng các loại	tấn	45.865	56.000	43.986	96%	79%

Báo cáo của Ban Giám đốc

	Đá các loại	m ³	32.505	33.000	23.231	71%	70%
	Cát xây dựng	m ³	23.047	24.000	13.189	57%	55%
	Thép xây dựng	tấn	1.346	1.400	1.339	99%	96%
a	Sản lượng bán ra						
	Ximăng các loại	tấn	39.947	49.300	39.269	98%	80%
	Đá các loại	m ³	11.313	11.500	2.717	24%	24%
	Cát xây dựng	m ³	10.328	11.000	3.484	34%	32%
	Thép xây dựng	tấn	327	350	513	157%	147%
b	Sản lượng sử dụng nội bộ						
	Ximăng các loại	tấn	5.918	7.000	4.717	80%	67%
	Đá các loại	m ³	21.192	21.500	20.513	97%	95%
	Cát xây dựng	m ³	12.719	13.000	9.705	76%	75%
	Thép xây dựng	tấn	1.019	1.050	825	81%	79%
4	Doanh thu KD bán ra	1.000 đ	67.006.049	82.000.000	67.192.575	100%	82%
	Ximăng các loại	1.000 đ	51.906.947	64.690.000	51.814.960	100%	80%
	Đá các loại	1.000 đ	4.782.422	5.000.000	1.294.665	27%	26%
	Cát xây dựng	1.000 đ	2.042.436	2.100.000	663.321	32%	32%
	Thép xây dựng	1.000 đ	3.988.462	4.780.000	7.385.969	185%	155%
	Hàng hóa khác	1.000 đ	4.285.782	5.430.000	6.063.660	141%	112%
5	Chi phí (giá vốn hàng bán ra)	1.000 đ	66.025.141	75.620.000	61.903.270	94%	82%
6	CP gián tiếp phân bổ theo giá vốn	1.000 đ	6.204.185	7.380.000	9.097.782	147%	123%
7	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	980.908	2.500.000	-3.808.477		
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,46%	3,05%			

*** Những việc làm được :**

- Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng tiếp tục thực hiện chưa tốt chức năng cung ứng hàng hóa cho lĩnh vực khác như thi công xây dựng, sản xuất.

- Việc tái cấu trúc lĩnh vực này bước đầu đã mang lại những hiệu quả tích cực. Ngoài nhóm hàng truyền thống là xi măng, cát đá, thép xây dựng thì trong năm qua hai nhóm hàng sơn nước và ống nhựa bước đầu đã được các cửa hàng đại lý tại các huyện ủng hộ, tuy thị trường và thị phần còn khiêm tốn nhưng đây là tiền đề để phát triển thị phần trong thời gian tới.

- Công tác thị trường cũng có sự chuyển biến tích cực; thị phần khách hàng công trình được duy trì ổn định; phương thức hợp tác kinh doanh Công ty - khách hàng đại lý tại các huyện trên cơ sở trao đổi hàng hóa giao cho các công trình tiếp tục mang lại những hiệu quả tích cực và góp phần giảm áp lực thanh toán tiền hàng cho khách hàng và cũng góp phần kéo giảm đáng kể chi phí vận chuyển từ kho ở TP Bến Tre giao các công trình.

- Công tác quản trị doanh nghiệp được chú trọng hơn nên khả năng phản ứng với tình hình thị trường, năng lực cạnh tranh đã được cải thiện đáng kể. Song song đó, việc sắp xếp lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, chú trọng phát huy năng lực, hiệu quả của từng cá nhân đã mang lại những hiệu quả tích cực.

*** Những tồn tại, yếu kém :**

- Ở bộ phận thị trường, mặc dù duy trì được thị phần nhưng công tác tiếp thị bán hàng, thu hồi công nợ còn nhiều hạn chế; các chính sách bán hàng nhằm phát triển thị phần, mở rộng thị trường ... chưa được bộ phận này thực hiện nghiêm túc và cũng chưa có những đề xuất mang tính đột phá, tạo lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh.

- Tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân ở tất cả các khâu còn chưa cao, còn trình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, còn tâm lý làm việc hết giờ chứ không chú trọng làm hết việc.

- Chưa có sự phối hợp tốt, kịp thời giữa các bộ phận từ CBQL đến nhân viên phòng, kho, phương tiện, đến việc thuê bốc xếp ...

- Các trưởng bộ phận, phòng ... chưa đáp ứng tốt như kỳ vọng của Ban Giám đốc, chưa thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, trong chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo thực hiện trong bộ phận, chưa có sự kiểm tra, giám sát xuyên suốt, chỉ đạo kịp thời từng thời điểm ở bộ phận được giao phụ trách. Chưa làm tốt công tác nắm bắt thị trường, chưa phân tích, đánh giá và đề xuất phương án, kế hoạch ứng phó khi thị trường có sự biến động.

- Mặc dù Ban Lãnh đạo có sự chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ tuy nhiên đôi lúc các trưởng phòng, bộ phận ... thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ theo sự chỉ đạo thì xử lý chưa quyết liệt, còn mang tính nhắc nhở, mang tính đôn thúc nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ.

- Chưa có sự phối hợp nhịp nhàng trong sự chỉ đạo của trưởng bộ phận và nhân viên. Tổ thị trường chưa đánh giá đúng về tiềm năng tài chính từ đó có những đề xuất bán hàng không phù hợp.

2.2 Hoạt động thi công san lấp, xây dựng :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Doanh thu	1.000 đ	117.248.011	130.000.000	131.588.028	112%	101%
2	Chi phí	1.000 đ	114.714.631	127.000.000	130.536.178	113%	103%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	2.533.380	3.000.000	1.051.850	54%	35%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,16%	2,31%	0,80 %		

*** Những thuận lợi :**

- Hoạt động thi công san lấp, xây dựng được xác định là lĩnh vực chủ lực trong việc mang về doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị trong trong thời gian qua và những năm tiếp theo. Các lĩnh vực khác như kinh doanh VLXD, sản xuất, vận tải, khai thác cát đều tập trung vốn, vật tư, phương tiện ... để hỗ trợ cho lĩnh vực này hoàn thành nhiệm vụ, phát huy năng lực và mang về doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị.

- Công tác cung ứng vật tư, bố trí vốn cho các công trình trong năm qua tương đối tốt; công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, chất lượng công trình được thực hiện thường xuyên; công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong thi công được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

- Thi công công trình đúng tiến độ, đúng chất lượng, đảm bảo vật tư đưa vào công trình đúng chủng loại, trang thiết bị thi công đầy đủ ... đã giúp đơn vị khẳng định được năng lực, uy tín với các chủ đầu tư, đơn vị giám sát thi công. Đây cũng là lợi thế rất lớn trong tham gia đấu thầu so với các đơn vị trong tỉnh.

- Việc thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động (tiền lương, BHXH, BHYT ...) giúp đơn vị có lợi thế trong triển khai thi công và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về nhân sự khi tham gia đấu thầu.

*** Những khó khăn, thách thức :**

- Do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, chủ đầu tư chưa bố trí vốn giải ngân, quyết toán cho các công trình kịp thời.

- Một số công trình do chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng; một phần khác do thay đổi thiết kế phải chờ thẩm định, phê duyệt nên phải gia hạn thêm thời gian làm cho tiến độ thi công bị kéo dài dẫn đến khối lượng quyết toán bị chậm so với kế hoạch ban đầu.

- Bên cạnh những thuận lợi, hiệu quả của việc trao đổi hàng hóa với các đại lý ở các huyện nhằm mục đích giảm chi phí vận chuyển khi cung ứng vật tư cho các công trình thì vẫn còn tồn tại những khó khăn như :

+ Tiến độ, số lượng, chất lượng hàng hóa ... các đại lý giao đến công trình chưa ổn định;

+ Các đại lý chưa phối hợp tốt với đơn vị trong công tác đối chiếu vật tư giao công trình; hóa đơn, chứng từ xuất cho công trình còn chậm, nhất là vào các thời điểm đơn vị cần đẩy nhanh tiến độ quyết toán công trình.

- Điều kiện tham gia dự thầu ngày càng siết chặt, chủ đầu tư đưa ra các tiêu chí ngày càng cao về năng lực tài chính, trang thiết bị thi công, nhân công, nguồn gốc vật tư đưa vào công trình ...; song song đó là sự cạnh tranh của các đơn vị khác ngày càng gay gắt và phức tạp.

2.3 Hoạt động khai thác cát :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Sản lượng khai thác	m ³	1.158.814	200.000	677.779	58%	339%
2	Doanh thu	1.000 đ	17.948.988	4.380.000	15.137.905	84%	346%
3	Chi phí	1.000 đ	15.320.227	3.520.000	13.334.756	138%	379%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	2.628.761	860.000	1.803.150	22%	210%
5	Tỷ suất LN trước thuế/DT	%	14,65%	19,63%	11,91%		

Đơn vị luôn tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, biên giới khai trường, thời gian khai thác, sản lượng khai thác ... theo giấy phép đã được cấp; đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa, thả phao khu vực được phép khai thác đúng qui định. Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và chính quyền địa phương. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí, nộp đầy đủ tiền ký quỹ và tiền cấp quyền khai thác cát đúng theo qui định.

Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo như báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo tiến độ

khai thác, trữ lượng khai thác; báo cáo giám sát môi trường, sổ quan trắc bờ sông ...

Đến hết ngày 08/12/2018 thì hai mỏ cát Phụng Châu, Tiên Thủy – An Hiệp đã hết thời hạn được phép khai thác. Trong thời gian được phép khai thác thì các mỏ cát đã đóng góp khá lớn vào doanh thu và lợi nhuận chung của đơn vị (*lợi nhuận trước thuế/doanh thu năm 2018 là 12,08%, năm 2017 là 14,65%*). Ngoài ra thì hoạt động này cũng đảm nhận việc gánh vác các khoản chi phí phân bổ chung của Công ty trong thời gian vừa qua.

Sản lượng khai thác năm 2018 thấp hơn cùng kỳ 2017 do trữ lượng mỏ đã gần hết, sản lượng, chất lượng cát giảm (*lấn nhiều tạp chất*) và quan trọng nhất là khối lượng tối đa được phép khai thác phải phù hợp với giấy phép đã được cấp.

Chi phí của hoạt động này trong năm qua khá cao là do phải chi trả cho các khoản thăm dò, khảo sát, lập đề án đóng cửa mỏ ... và phải nộp các khoản chi phí bổ sung có liên quan cho nhà nước.

2.4 Hoạt động sản xuất VLXD :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Doanh thu	1.000 đ	2.420.191	2.500.000	1.479.101	61%	59%
2	Chi phí	1.000 đ	2.609.314	2.350.000	1.475.014	57%	63%
3	Lợi nhuận trước thuế/DT	1.000 đ	-189.123	150.000	4.087		3%

► Sản xuất gạch bê tông :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	28.684	33.000	21.785	76%	66%
	<i>Sử dụng nội bộ:</i>	1.000 v	7.619	14.000	13.642	179%	97%
2	Sản lượng gạch TP KD bán ra	1.000 v	19.475	19.000	9.712	50%	51%
3	Doanh thu	1.000 đ	1.882.128	2.000.000	1.062.639	56%	53%
4	Chi phí	1.000 đ	1.920.579	1.870.000	1.024.214	53%	55%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-38.451	130.000	38.425	100%	30%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%		6,50%	3,62%		

Mặc dù sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều giảm so với thực hiện cùng kỳ 2017 và kế hoạch 2018 nhưng thực tế hoạt động này trong năm qua đã thực hiện khá tốt việc cung ứng cho các công trình nội bộ để giúp hoạt động xây dựng thi công và bàn giao đúng tiến độ, nhất là các công trình trọng điểm chào mừng các ngày lễ lớn của tỉnh.

Đối với bán ra kinh doanh, thị phần các khách hàng công trình được duy trì; thị phần bán lẻ nhà dân, các cửa hàng đại lý có chiều hướng tăng trưởng.

Trong sản xuất luôn đảm bảo các khâu, các công đoạn được tiến hành đúng theo qui trình, qui định nhằm đảm bảo gạch thành phẩm xuất xưởng đạt tiêu chuẩn chất lượng phù

hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia TCVN 7744 : 2013 như đã công bố.

Tuy nhiên, trong năm qua vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn :

- Công ty chưa thể tiến hành sản xuất các dòng sản phẩm giá rẻ do chưa tìm được phương án tối ưu trong tổ chức sản xuất, quản lý và thị trường tiêu thụ dòng sản phẩm này cũng chưa ổn định.

- Chi phí vận chuyển còn cao nên thị phần ở các huyện chưa đạt như kỳ vọng đề ra, chủ yếu khách hàng ở các huyện trong năm qua là khách hàng nhà dân và đại lý còn các công trình chưa có chuyên biến tích cực .

► Sản xuất Tole & xà gỗ :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Sản lượng SX	m	23.671	25.000	16.228	69%	65%
	<i>Sử dụng nội bộ:</i>	<i>m</i>	<i>20.530</i>	<i>21.000</i>	<i>14.197</i>	<i>69%</i>	<i>68%</i>
2	Sản lượng tiêu thụ	m	3.141	4.000	2.031	65%	51%
3	Doanh thu	1.000đ	410.845	500.000	263.243	64%	53%
4	Chi phí	1.000đ	501.674	480.000	254.882	51%	53%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	-90.829	20.000	8.361		42%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%		4,00%	3,18%		

Các thiết bị, máy móc của phân xưởng tole & xà gỗ được đưa vào sử dụng từ 2005 và hiện nay cũng đã xuống cấp, hoạt động không hiệu quả. Chủ yếu hoạt động để cung cấp cho các công trình nội bộ, hoạt động bán hàng kinh doanh cho nhà dân không hiệu quả do xu hướng hiện nay đang dần chuyển qua sử dụng tấm lợp khác (*tole giả ngói, ngói nung, ngói xi măng ...*); ngoài ra nhóm khách hàng còn sử dụng tole thì chuộng hàng thiếu qui cách (*thiếu kg, thiếu zem ...*) mà những hàng hóa này Công ty chưa có lợi thế cạnh tranh so với các nhà máy tole khác.

Đối với việc cung ứng cho các công trình nội bộ thì hoạt động này đã thực hiện khá tốt chức năng của mình, kịp thời cung cấp đúng số lượng, chất lượng và giá cả hợp lý.

► Sản xuất gạch nung :

Hiện nay hoạt động sản xuất gạch nung mặc dù hiệu quả không có (*lỗ 42,7 triệu*) nhưng vẫn duy trì hoạt động là do tận dụng nguồn nguyên vật liệu còn tồn để sản xuất, đồng thời cung cấp cho các công trình vẫn còn sử dụng gạch nung.

2.5 Hoạt động mua bán bất động sản:

Năm 2018, Công ty đã thực hiện bán thừa đất tại xã Phú Nhuận bằng hình thức đấu giá công khai, với mức giá 9,5 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế là: 4,07 tỷ đồng.

2.6 Hoạt động vận tải hàng hóa :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Doanh thu	1.000đ	1.998.812	1.500.000	1.038.434	52%	69%
2	Chi phí	1.000đ	2.739.676	1.480.000	3.221.387	118%	218%
3	Lợi nhuận trước thuế/DT	1.000đ	-740.864	20.000	-2.182.953		

Các phương tiện đã thực hiện khá tốt chức năng của mình, các hàng hóa, vật tư được vận chuyển kịp thời giao đến nơi cho khách hàng; cung cấp đúng tiến độ, đúng số lượng cho các công trình nội bộ và phân xưởng sản xuất,

Thực hiện tốt việc chấp hành luật an toàn giao thông đường bộ, đường thủy và các phương tiện cơ giới luôn bảo đảm an toàn khi thi công tại công trường. Đơn vị đã thực hiện nghiêm chỉnh qui định về đăng ký phù hiệu xe tải theo đúng qui định.

Tuy nhiên, trong năm qua vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn :

- Việc bảo dưỡng phương tiện chưa thực hiện tốt dẫn đến nhiều phương tiện thường xuyên hư hỏng nhỏ phải sửa chữa, thiếu phương tiện hoặc phương tiện còn lại chạy hàng không đúng thời gian đã thông báo với khách hàng.

- Chưa có sự phối hợp tốt trong quản lý, điều hành, điều động bố trí phương tiện, chưa xoay vòng có hiệu quả, thời gian giao hàng chưa linh động và ý thức chấp hành còn hạn chế, làm việc qua loa, đùn đẩy trách nhiệm. Chưa đề xuất phương án chạy hàng hiệu quả, tăng doanh thu, tăng khả năng vận chuyển của phương tiện.

- Một số phương tiện không hoạt động hết công suất nên doanh thu thấp, tính hiệu quả gần như không có; các xe tải ben 71N 0127, 71N 0114, 71C 025.54, 71C 028.58 và ghe tải BTr 0776 đã xuống cấp, thường xuyên hư hỏng nên chi phí sửa chữa cao, doanh thu không đủ đắp được chi phí;

+ Các xe tải 13,6 tấn (71N 0127, 71N 0114) : Không còn phù hợp để vận chuyển xi măng giao các huyện do quá tải cầu, đường và cũng không phù hợp nhu cầu của khách hàng (*thông thường khách hàng đặt hàng từ 100 đến 150 bao/chuyến*); các xe này trước đây trang bị chủ yếu để phục vụ công trình san lấp nhưng thời gian gần đây các công trình khi san lấp sử dụng phương thức bơm cát để giảm chi phí.

+ Các xe tải 2,49 tấn (71C 025.54) và 1,90 tấn (71C 028.58) : Trước đây có thể chở quá tải để giảm giá cước nhưng hiện nay việc siết chặt kiểm tra tải trọng và tăng mức xử phạt quá tải làm giá cước vận chuyển cao, không có nguồn hàng vận chuyển nên không có hiệu quả; Ngoài ra do các khách hàng ở các huyện thường đặt hàng 100 bao/chuyến nên các phương tiện này cũng không phù hợp vận chuyển giao xi măng ở các huyện.

+ Ghe tải 75 tấn : Đây là ghe tải vỏ gỗ được đưa vào sử dụng từ năm 2011, chủ yếu vận chuyển xi măng các loại từ các nhà máy về giao cho khách hàng tại Bến Tre. Hiện nay không còn phù hợp do các nhà máy và khách hàng đang chuyển sang giao nhận hàng bằng bành võng để giảm chi phí bốc xếp; phương thức giao nhận này phù hợp với các ghe vỏ thép.

2.7. Hoạt động Tài chính - Kế toán :

- Công tác chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo đúng các qui định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo theo đúng qui định của Nhà nước.

- Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận lập các kế hoạch nhu cầu về tài chính định kỳ, đột xuất tùy theo từng thời điểm và tình hình thị trường nên đã chủ động hơn trong việc sử dụng, bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

Tuy nhiên, trong năm qua vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn:

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thanh toán và thu hồi tiền nợ hàng bán chưa được chú trọng và chưa thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công tác tham mưu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn còn kém.

- Tình hình tài chính của đơn vị gặp rất nhiều áp lực do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan như :

+ Tiến độ quyết toán và giải ngân khối lượng hoàn thành công trình chậm; công tác thu hồi tiền hàng bán chậm, có lúc thiếu kiểm soát.

+ Nguồn vốn có giới hạn trong khi giá cả nguyên vật liệu, chi phí nhân công liên tục tăng ... nhu cầu vốn đối ứng cho các lĩnh vực ... ngày càng cao dẫn đến áp lực rất lớn để đảm bảo có đủ vốn cho các lĩnh vực hoạt động:

2.8 Hoạt động đầu tư :

2.8.1 Dự án đầu tư Khu tái định cư Phú Tân, TP Bến Tre – Giai đoạn 1:

Theo kế hoạch thì dự án sẽ được phân kỳ thành 02 giai đoạn; giai đoạn 1 đang được triển khai như sau:

2.8.1.1 Qui mô dự án :

- Diện tích: 28.592 m².

- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 99,8 tỷ đồng.

2.8.1.1 Tiến độ dự án :

Theo tiến độ thực hiện thì dự kiến cuối quý 4/2019 xác định được giá trị chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau đó sẽ xác định lại giá bán nền tái định cư và giá bán nền thương mại trình phương án phê duyệt giá bán. Dự kiến cuối tháng 10/2019 các hạng mục hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thành; tháng 11/2019 thông báo cho khách hàng biết để nắm thông tin và triển khai công tác đấu giá bán nền..

2.8.2 Dự án xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An - TP Bến Tre:

Dự án đầu tư xây dựng chợ Mỹ Thạnh An - TP Bến Tre là dự án đầu tư mới, có cấu trúc hạ tầng kỹ thuật khu thương mại đầy đủ, đúng yêu cầu quy hoạch của UBND TP Bến Tre. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ hình thành một tổ hợp khu thương mại, góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững, ổn định lâu dài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của xã Mỹ Thạnh An nói riêng và của TP Bến Tre nói chung. Ngoài ra còn giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động tại địa phương và các vùng phụ cận, đóng góp vào ngân sách địa phương.

2.8.2.1 Qui mô dự án:

- Diện tích 1.816,5 m², trong đó diện tích cho thuê (nhà lồng, ki ốt) là 716,31 m², diện tích công trình phụ trợ (sân, đường, bãi giữ xe) là 912,6 m².

- Tổng mức đầu tư là 5,8 tỷ đồng.

2.8.2.2 Tiến độ dự án :

- Đơn vị đang hoàn thiện phần xây dựng, dự kiến cuối tháng 5/2019 hoàn thành và tiến hành các bước tiếp theo để bàn giao cho các cá nhân thuê mặt bằng theo hợp đồng đã ký với đơn vị.

- Kế hoạch đầu giá tiền thuê ki ốt, sạp ...: Dự kiến cuối tháng 5/2019 sẽ hoàn thành và phát sinh có doanh thu của dự án này.

2.9 Công tác khác :

2.9.1 Công tác Tổ chức - Hành chính và lao động tiền lương :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)	
1	Lao động	Người	125	125	118	94%	94%
2	Thu nhập BQ /người /tháng	1.000 đ	5.400	5.800	5.200	96%	89%
3	Tổng quỹ lương, thưởng	1.000 đ	8.106.000	8.748.000	7.402.108	91%	85%

Nội qui, Qui chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm túc. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, bảo hiểm và các qui định có liên quan cho người lao động theo đúng qui định của Nhà nước.

Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động cho người lao động ở khâu trực tiếp sản xuất; trang phục văn phòng cho toàn thể người lao động; tổ chức khám sức khoẻ định kỳ đúng qui định;

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác ATLĐ - VSLĐ, PCCC; đối với công trình thi công xây dựng, do khả năng xảy ra rủi ro cao nên công tác này được đặc biệt quan tâm và có báo cáo kết quả kiểm tra thường xuyên một cách nghiêm túc, đầy đủ nhằm đảm bảo an toàn cho con người và tài sản tại các công trình.

Thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách mới ban hành của nhà nước; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và của chính quyền địa phương phát động.

BGD cũng đã phối hợp với BCH Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổ chức tặng quà cho CB CNV nhân dịp lễ, tết nguyên đán, tổ chức cho CB CNV nghỉ dưỡng tại Đà Lạt; phối hợp với các đơn vị khác để tổ chức thi đấu TDTT nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

2.9.2 Công tác Đảng - Đoàn thể :

Đơn vị luôn chú trọng đến các công tác Đảng, đoàn thể. Các công tác này luôn được đơn vị tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và qui định của cơ quan cấp trên.

Đảng bộ Công ty có 4 Chi bộ trực thuộc với 42 đảng viên trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh Bến Tre.

Công tác Đảng được gắn liền với các kế hoạch SXKD, làm nòng cốt phát động, triển khai các phong trào thi đua gắn với các hoạt động từng thời điểm; các Nghị quyết của Đảng, Đảng ủy khối và Đảng bộ Công ty đến với người lao động bằng các định hướng và hoạt động cụ thể, gần gũi.

Tổ chức Đảng và các đoàn thể tích cực tuyên truyền, giáo dục CB CNV chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, thực hiện

tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong mọi hoạt động góp phần bảo đảm điều tiết hài hòa giữa 3 lợi ích: Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động

Năm qua, các tổ chức đoàn thể như Đảng bộ Công ty được xếp loại “vững mạnh, tiêu biểu”, Đoàn thanh niên được xếp loại “vững mạnh”, Công đoàn cơ sở được xếp loại “Vững mạnh”.

2.9.3 Tham gia công tác phúc lợi xã hội :

Ý thức được trách nhiệm của mình đối với xã hội, đơn vị đã thực hiện các công tác phúc lợi xã hội như: phụng dưỡng 01 Bà mẹ VNAH; đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các gia đình chính sách; thăm và tặng quà cho các gia đình CB CNV diện chính sách nhân ngày 27/7; hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở các xã vùng sâu, vùng xa; hưởng ứng tốt công tác đóng góp quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo, quỹ tấm lòng vàng, quỹ đền ơn đáp nghĩa ... với số tiền trên 420 triệu đồng.

Vận động CB CNV thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp xây dựng giao thông nông thôn nơi cư trú. Công ty trích quỹ phúc lợi và vận động các đối tác cùng ủng hộ đóng góp xây dựng giao thông nông thôn, hẻm nội thị cho nhiều địa phương.

B - GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN LỖ TRONG NĂM 2018:

Trong đó, hoạt động kinh doanh VLXD, vận tải và dự án khu TĐC Mỹ Thạnh An bị lỗ bởi các nguyên nhân sau :

- Trong các hoạt động của Công ty, hoạt động khai thác cát là hoạt động có hiệu quả nhất thường gánh chi phí cho các hoạt động còn lại của Công ty. Năm 2018, doanh thu khai thác cát là 15,138 tỉ giảm 16% so với năm 2017 (Công ty tăng giá bán vì thuế tài nguyên tăng) nhưng sản lượng khai thác chỉ có 677.779 m³ giảm đến 42% so với năm 2017. Nguồn thu từ khai thác cát giảm mạnh dẫn đến chi phí quản lý phân bổ cho các hoạt động còn lại tăng lên.

- Để tăng nguồn thu, khi lập KH năm 2018, Ban Giám đốc đã lập tăng doanh thu bán hàng lên 22% so với năm 2017 nhưng bộ phận kinh doanh đã không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu (chỉ đạt 82% so với KH), hoạt động kém hiệu quả, không có các biện pháp mở rộng thị trường (chủ lực là mặt hàng xi măng). Trong khi phân bổ chi phí quản lý, lãi vay tăng lên dẫn đến tình trạng lãi không đủ bù đắp chi phí.

- Đối với bộ phận vận tải, cước vận tải được thu theo mức chung của thị trường nhưng chúng ta không thể linh hoạt như các đơn vị tư nhân khác (chờ quá tải, chờ hàng ngoài giờ); chi phí sửa chữa lại nhiều nên khi phân bổ thêm chi phí quản lý, lãi vay dẫn đến tình trạng bị lỗ.

- Đối với dự án khu TĐC Mỹ Thạnh An: Tháng 12/2017 tổng doanh thu của dự án là 774 triệu đồng (trương ứng với 3 nền TĐC), tuy nhiên khi kết chuyển giá vốn thì bộ phận kế toán chỉ kết chuyển 242 triệu đồng. Đến đầu năm 2018, phát hiện sai sót nên đã hạch toán kết chuyển khoảng giá vốn còn thiếu tương đương 484 triệu. Điều này dẫn đến việc dự án TĐC Mỹ Thạnh An bị lỗ.

- Ngoài những khó khăn mà từng lĩnh vực phải đối diện, trong năm phát sinh những khoản chi phí ngoài dự kiến là: **3.179.708.638 đồng**, trong đó:

+ Trích dự phòng các khoản phải thu : 1.614.246.827 đồng.

+ Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho : 185.461.811 đồng.
+ Trích trước chi phí hoàn nguyên : 915.000.000 đồng.
+ Truy thu phí BVMT : 465.000.000 đồng. (theo kết luận của Kiểm toán NN).

Trước diễn biến bất lợi của thị trường, Giám đốc đã không lường hết được những khó khăn mà Công ty phải gặp. Từ đó, chưa có những chỉ đạo kịp thời các giải pháp phù hợp. Cụ thể như sau :

- Bộ phận bán hàng kém hiệu quả nhưng chưa chỉ đạo quyết liệt các biện pháp mở rộng thị trường (chủ lực là mặt hàng xi măng).

- Không kiểm soát thường xuyên chính sách bán hàng (giá bán, hạn mức nợ) nên để nợ cao, một số trường hợp khó thu hồi phải trích lập quỹ dự phòng tài chính làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

- Các bộ phận nghiệp vụ chưa làm tốt công tác tham mưu nhất là khâu nắm bắt thông tin thị trường dẫn đến việc chậm ra các quyết định kinh doanh.

- Hoạt động khai thác cát (đem lại hiệu quả cao) giảm nhưng không kịp thời mở rộng hoạt động SXKD ở lĩnh vực khác để bổ sung nguồn thu nhập cho đơn vị.

- Chưa mạnh dạn trong khâu tổ chức, bộ máy công kênh kém hiệu quả, nhân viên thụ động, chưa thực hiện hết chức trách.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018 của Ban Giám đốc Công ty kính trình với Quý cổ đông.

Xin trân trọng kính chào !

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

GIÁM ĐỐC



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Trên cơ sở định hướng phát triển chung, tình hình thị trường và năng lực hoạt động, Công ty CP VLXD Bến Tre xác định phương hướng hoạt động trong thời gian tới theo tinh thần thận trọng và chắc chắn. Song song đó là phát huy những thành quả đạt được và phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong năm qua để tập trung thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2019 và quan trọng nhất là đáp ứng được kế hoạch phát triển bền vững.

1./ Giải pháp chung: Để đạt được mục tiêu trên thì đơn vị sẽ tiến hành thực hiện 4 giải pháp:

- **Một là rà soát các lĩnh vực hoạt động để tái cấu trúc hoạt động của đơn vị:** Tiến hành điều tra nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá khả năng tăng trưởng, hiệu quả phát triển bền vững, phù hợp với định hướng phát triển của nhà nước, đáp ứng được nhu cầu của thị trường ... theo đó thì lĩnh vực, mặt hàng nào không hiệu quả thì thu hẹp hoặc chấm dứt hoạt động. Song song đó là sắp xếp, tinh gọn lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với tình hình mới; chú trọng bố trí theo hướng nhân sự được phân công nhiệm vụ phải có năng lực, trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm với công việc, có tinh thần cầu tiến ... và quan trọng nhất là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

- **Hai là tăng năng lực cạnh tranh:** Đây là động lực cho sự phát triển, thúc đẩy đơn vị tìm ra những biện pháp nâng cao hiệu quả SXKD và quyết định vị trí của doanh nghiệp trên thị trường. Do vậy, để nâng cao năng lực cạnh tranh trong tình hình như hiện nay thì có rất nhiều việc phải làm, trong đó có một số nội dung sau:

+ **Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý:** Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận; có sự phân biệt tương đối về tính chất, công việc của các bộ phận, tránh sự chồng chéo, tạo điều kiện cho người lao động tập trung đầu tư chuyên sâu và đảm bảo sự hoạt động của các bộ phận đúng chức năng, nhiệm vụ và có sự phối hợp nhịp nhàng.

+ **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:** Tiến hành sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ nhân sự. Chú trọng phát hiện người có năng lực để bố trí vào những công việc phù hợp với ngành nghề, trình độ và năng lực sở trường. Bổ sung những nhân sự đủ tiêu chuẩn, có triển vọng phát triển, đồng thời thay thế những nhân sự không đáp ứng được các yêu cầu. Song song đó là tiêu chuẩn hóa các chức danh, nhiệm vụ để phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ. Áp dụng cơ chế bổ sung và đào thải nhân lực để duy trì đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giỏi chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng các yêu cầu của đơn vị.

+ **Giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm:** Kích thích khả năng sáng tạo, phát huy trí tuệ của từng cá nhân và tập thể nhằm tìm cách tối thiểu hóa chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí nguyên liệu, chi phí quản lý. Ngoài ra, từng thành viên trong đơn vị cần tự giác nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề; đẩy mạnh việc đầu tư và thay thế một số loại phương tiện, thiết bị ... cho năng suất thấp, hoạt động không hiệu quả.

+ **Xây dựng và phát triển thương hiệu:** Để xây dựng một thương hiệu được khách hàng tin cậy thì cần phải hiểu rõ nhu cầu, thị hiếu và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, luôn lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm cho mọi hoạt động.

- **Ba là xây dựng phương án trả lương:** Nhằm để người lao động an tâm công tác, tập trung phát huy năng lực, tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao và cũng để các kế

hoạch SXKD, các chính sách hàng mang lại hiệu quả thì đơn vị sẽ tiến hành xây dựng phương án trả lương mới theo hướng làm theo năng lực, hưởng theo năng suất, cụ thể:

+ Lương khoán, thưởng cho các bộ phận trực tiếp sản xuất, bán hàng để các kế hoạch sản xuất, bán hàng, thu hồi công nợ .. được đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ theo chủ trương của đơn vị đưa ra;

+ Trả lương thời gian kèm theo đánh giá năng lực, khả năng hoàn thành của bộ phận gián tiếp, bộ nghiệp vụ ... để nâng cao tinh thần trách nhiệm, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Việc điều chỉnh phương án trả lương mới này ngoài việc đảm bảo quyền lợi, lợi ích chính đáng của người lao động mà còn đảm bảo cho các chủ trương, chính sách bán hàng, các kế hoạch SXKD của đơn vị được thực thi một cách tốt nhất.

- **Bốn là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:** Để đạt được mục tiêu tăng trưởng và tối đa hoá lợi nhuận thì việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn phải được xem là nhiệm vụ then chốt. Cụ thể:

+ Xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng vốn trong SXKD, kiểm tra, đẩy mạnh thu hồi công nợ một cách thường xuyên. Tuân thủ nghiêm túc quy tắc quản lý tài chính, xây dựng biện pháp tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động.

+ Khai thác nguồn lực vốn một cách có hiệu quả, không để vốn nhàn rỗi, lãng phí, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm ... do vậy khi đầu tư sẽ có sự cân nhắc, tính toán để xác định đúng thời điểm, quy mô, lộ trình sử dụng vốn để đem lại hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

+ Các chiến lược sản xuất kinh doanh, kế hoạch quản lý phân bổ sử dụng vốn sẽ được thực hiện một cách hợp lý theo từng thời điểm và từng lĩnh vực hoạt động.

2. Nhiệm vụ cụ thể :

2.1- Chỉ tiêu tổng quát:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Tổng doanh thu	1.000 đ	225.000.000	227.886.134	222.948.000	99%	98%
a	Bán hàng, cung cấp DV	1.000đ	221.480.000	226.722.877	222.318.000	101%	98%
b	Thu nhập khác	1.000đ	3.500.000	1.133.998	600.000	17%	53%
c	Thu nhập hoạt động TC	1.000đ	20.000	29.259	30.000	150%	103%
d	Chi phí khác	1.000đ		84.635	86.000		
2	Tổng chi phí	1.000 đ	214.880.000	226.451.814	217.819.000	102%	97%
3	Tổng LN trước thuế	1.000 đ	6.600.000	1.434.319	5.129.000	78%	358%
4	Số phải nộp ngân sách	1.000 đ	18.400.000	18.862.760	10.500.000	57%	56%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,93%	0,63%	2,3%		

2.2 - Các hoạt động SXKD:

2.2.1/ Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng:

Kế hoạch hoạt động sxkd năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Giá trị hàng hoá mua vào	1.000 đ	115.000.000	104.786.598	86.000.000	75%	82%
2	Trong đó mua vào sử dụng nội bộ	1.000 đ	47.300.000	45.196.574	35.000.000	74%	77%
2	Doanh thu bán hàng	1.000 đ	82.000.000	67.192.575	57.000.000	70%	85%
3	Chi phí (giá vốn hàng bán ra)	1.000 đ	75.620.000	61.903.270	51.000.000	67%	82%
4	CP gián tiếp phân bổ theo giá vốn	1.000 đ	7.380.000	9.097.782	5.500.000	75%	61%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	2.500.000	-3.808.477	500.000	20%	(13%)
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%	2,17%		0,58%		

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách bán hàng cho phù hợp với tình hình mới (*chính sách áp dụng cho đại lý, thầu thợ, đơn vị thi công, nhà dân ...*) của các nhóm hàng hóa (*xi măng, thép xây dựng, sơn, ống nhựa...*) nhằm tăng cường thâm nhập vào các phân khúc mà thị trường và thị phần còn hạn chế.

Để duy trì và phát triển thị phần thì ngoài những yếu tố như thương hiệu, chất lượng, giá bán..thì khâu chăm sóc khách hàng sẽ luôn được đơn vị chú trọng. Với phương châm sự hài lòng của khách hàng là thước đo hiệu quả hoạt động SXKD nên trong thời gian tới sẽ tiếp tục thực hiện có chiều sâu, tác phong giao tiếp chuyên nghiệp hơn cả trong nội bộ, trong giao tiếp với khách hàng; đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng ở tất cả các khâu trước, trong và sau bán hàng.

Ngoài ra, để nâng cao tinh thần trách nhiệm, khuyến khích tăng thu nhập theo năng lực của từng cá nhân thì đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động theo hướng đảm bảo thu nhập hợp lý trên cơ sở làm theo năng lực, hưởng theo năng suất thích hợp theo từng bộ phận.

Công tác lập kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa hợp lý theo từng thời điểm để ứng phó với sự biến động về giá cả, nguồn cung hàng hóa, đảm bảo luôn có đúng chủng loại, đủ số lượng, giao hàng đúng thời gian cho các công trình, các đại lý và thị trường v.v...

Rà soát, chấn chỉnh có chiều sâu ở tất cả các khâu để đảm bảo các nhu cầu của thị trường, của khách hàng phải được đáp ứng kịp thời, đầy đủ. Quá trình luân chuyển hàng hóa phải được diễn ra liên tục, xuyên suốt và không bị ách tắc ở bất kỳ khâu nào.

Kiểm tra việc thực hiện qui trình, qui chế phối hợp làm việc giữa các khâu như nghiệp vụ, bán hàng, điều động, kho bãi, phương tiện ... định kỳ phân tích đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp thực tế nhằm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất và phát huy hiệu quả một cách tối ưu.

Các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2019 sẽ phải được thực hiện nghiêm túc, từng thời điểm có sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện để đánh giá, phân tích ... để kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục khuyết điểm hay tăng cường phát huy các ưu điểm nhằm cải thiện, nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2.2/ Hoạt động thi công san lấp, xây dựng :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Doanh thu	1.000 đ	130.000.000	131.588.028	132.000.000	101%	100%
2	Chi phí	1.000 đ	127.000.000	130.536.178	129.500.000	103%	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	3.000.000	1.051.850	2.500.000	83%	238%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,31%	0,80%	1.89%		

- Công ty CP VLXD Bến Tre xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực mang về doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Công ty sẽ chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới để hoạt động thi công xây dựng phát huy hiệu quả tối ưu nhất, cụ thể:

+ Các phòng, bộ phận, phân xưởng cần linh động, chủ động hơn trong việc đề xuất, lập kế hoạch sản xuất để giao hàng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ; tiếp tục thực hiện tốt các chức trách, nhiệm vụ của mình để hỗ trợ để hoạt động thi công san lấp, xây dựng hoàn thành tốt nhiệm vụ;

+ Chú trọng khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế trong việc bố trí vốn, cung ứng hàng hóa, vật tư ... cho các công trình;

+ Thực hiện các bước chuẩn bị để thực hiện tốt công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... thường xuyên liên hệ với các bên có liên quan để rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình.

2.2.3. Dự án đầu tư Khu tái định cư Phú Tân, TP Bến Tre

a) Giai đoạn 1:

Dự án đầu tư khu TĐC Phú Tân - TP Bến Tre đã được Công ty tiến hành đầu tư, thi công giai đoạn 1. Tuy nhiên, Công ty đang thực hiện việc đổi tên dự án từ Khu tái định cư Phú Tân thành Khu dân cư Phú Tân theo ý kiến chỉ đạo của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre.

Hiện nay, Công ty đã hoàn thành 95% hạng mục trong khi phải trình lại dự án nên doanh thu kế hoạch năm 2019 của dự án Phú Tân giai đoạn 1 dự kiến như sau :

Stt	Nội dung	Đvt	Theo dự án	Kế hoạch 2019	Còn lại
I	Diện tích	m²	28.592	7.654	20.938
1	Đất xây dựng nhà ở thương mại	m ²	13.284	-	13.284
2	Đất xây dựng nhà ở tái định cư	m ²	15.308	7.654	7.654
II	Doanh thu	Tr.đồng	118.764	27.833	90.931

Kế hoạch hoạt động sxkd năm 2019

1	Đất xây dựng nhà ở thương mại	Tr.đồng	63.099	-	63.099
2	Đất xây dựng nhà ở tái định cư	Tr.đồng	55.665	27.833	27.832
III	Hiệu quả				
1	Doanh thu (=II)	Tr.đồng	118.765	27.833	90.932
2	Tổng mức đầu tư	Tr.đồng	99.822	26.722	73.100
3	CP lãi vay, phân bổ theo giá vốn	Tr.đồng			
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	18.943	1.111	17.832
	<i>Làm tròn</i>	Tr.đồng	<i>15.300</i>	1.000	14.300

b) Giai đoạn 2:

- Song song với việc hoàn thiện dự án giai đoạn 1, Ban Giám đốc sẽ tiếp tục nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt mở rộng quy mô diện tích cho toàn dự án theo quy hoạch được duyệt trước đây khoảng 14 ha (thay vì đầu tư giai đoạn 1 khoảng 5,4 ha);

- Về thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

- Qui mô dự án:

+ Diện tích xây dựng: 86.900 m².

+ Diện tích đất ở: 47.000 m².

+ Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2: 198 tỷ đồng.

- Thời gian khởi công: dự kiến năm 2019.

- Hiệu quả đầu tư: Việc đầu tư này ngoài việc giúp đơn vị chủ động hơn trong lĩnh vực xây dựng do khi thực hiện dự án này thì đơn vị vừa là chủ đầu tư cũng là nhà thi công nên sẽ chủ động giải quyết, tháo gỡ những khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ thi công, tiến độ dự án và kế hoạch tài chính. Đồng thời khi triển khai dự án này sẽ góp phần gia tăng doanh thu cho các lĩnh vực khác như kinh doanh VLXD, thi công xây dựng, vận tải, sản xuất VLXD ... đóng góp tích cực cho kế hoạch phát triển chung của đơn vị trong thời gian tới.

2.2.4. Dự án xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An - TP Bến Tre:

Doanh thu dự kiến năm 2019 được tính trên cơ sở: Sạp vải, sợi, quần áo và sạp rau củ quả, thịt cá - tính bằng 80% công suất; các ki ốt tính bằng 100% công suất theo dự án đã lập. Cụ thể:

- Doanh thu : 1.800.000 đồng.

- Chi phí : 1.300.000.000 đồng

- Doanh thu : 500.000.000 đồng

Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh Ban Giám đốc sẽ xem xét, tính toán lại hiệu quả để trình HĐQT thông qua phương án tìm đối tác cho thuê dài hạn theo phương thức “trộn gói” là vận hành và khai thác.

2.2.5/ Hoạt động khai thác cát :

Theo Công ty được biết thì tỉnh đã tổ chức thăm dò, đánh giá trữ lượng, lập kế hoạch đưa vào đấu giá 05 khu vực mỏ cát và quy hoạch thăm dò khai thác cát lòng sông theo Nghị Quyết 08/2014/NQ-HĐND.

Đồng thời năm 2019, nhu cầu cát san lấp của các công trình xây dựng, san lấp mặt bằng và của thị trường vẫn còn rất lớn. Do vậy, đơn vị đang theo dõi sát tình hình, tiến độ triển khai đấu giá quyền khai thác để tiến hành các bước tham gia đấu giá quyền khai thác cát san lấp để có nguồn hàng cung ứng cho thị trường, cho các công trình và mang về doanh thu cũng như lợi nhuận cho đơn vị trong thời gian tới. Vì vậy, năm 2019 đơn vị không lập kế hoạch cụ thể cho hoạt động này.

2.2.6/ Hoạt động sản xuất VLXD :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
- 1	Doanh thu	1.000 đ	2.500.000	1.479.101	1.256.000	59%	85%
2	Chi phí	1.000 đ	2.350.000	1.475.014	1.200.000	63%	81%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	150.000	4.087	56.000	3%	1370%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%	6,00%	0,28%	4,46%		

a) Đối với mặt hàng gạch:

Từ định hướng chung của Nhà nước và phân tích đánh giá tình hình thực tế của đơn vị trong thời gian qua thì hoạt động này không mang lại hiệu quả về mặt lợi nhuận. Đồng thời để thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động sản xuất cho phù hợp với tình hình thị trường, định hướng phát triển của đơn vị, do vậy trong năm 2019 đơn vị sẽ ngưng hoạt động sản xuất gạch đất sét nung. Song song đó là tiến hành nghiên cứu nhu cầu thị trường, định hướng phát triển vật liệu không nung của tỉnh, công nghệ sản xuất tối ưu nhất để tiến hành đầu tư và tổ chức sản xuất với một số thông tin như sau:

*** Sự cần thiết đầu tư:**

Theo chủ trương chung của Nhà nước: Quyết định số 15/2000/QĐ-BXD về việc qui định lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công và Quyết định số 567/QĐ-TTg, ngày 28/4/2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020.

Trong năm qua, đơn vị chưa thể triển khai các bước để xúc tiến đầu tư do những nguyên nhân sau:

- Các cấp có thẩm quyền chưa có chủ trương cụ thể về việc sử dụng gạch không nung thuộc nhóm sản phẩm nào cho loại công trình nào trong khi vốn đầu tư khá lớn nhưng thị trường tiêu thụ vẫn chưa định hình (các công trình xây dựng dân dụng gần như không quan tâm đến sản phẩm gạch không nung, còn các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn - thiết kế

vẫn còn chờ chủ trương chung của tỉnh về vấn đề này) nên đơn vị vẫn còn trong quá trình thăm dò cả về kỹ thuật sản xuất lẫn chủ trương chung của tỉnh Bến Tre và sự chấp nhận của thị trường với loại hình sản phẩm này.

- Trên thị trường hiện nay có hai nhóm gạch không nung là gạch bê tông nhẹ (trong đó có hai loại là khí chưng áp và bê tông bọt khí) và gạch bê tông nặng (trong đó cũng có hai loại là gạch block nặng truyền thống và gạch xi măng cốt liệu). Trong từng loại gạch đều có ưu, khuyết điểm riêng và giá trị đầu tư cũng như kỹ thuật sản xuất đều khác nhau.

- Giá trị đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng, mặt bằng kho ... của từng loại công nghệ cũng rất khác nhau và có sự chênh lệch rất lớn (từ vài tỷ đồng đến vài trăm tỷ đồng) nên đơn vị cần có sự nghiên cứu, tìm hiểu cẩn thận trước khi quyết định chọn đầu tư công nghệ sản xuất nào - bởi vì việc đầu tư này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn chuẩn bị cho các hoạt động hiện tại.

Việc đầu tư dự án này không những phù hợp với định hướng chung của Nhà nước mà còn phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển của đơn vị. Nhất là trong những năm qua, hoạt động sản xuất gạch nung không mang lại hiệu quả do gặp rất nhiều khó khăn như nguồn nguyên liệu đất sét đã cạn kiệt, máy móc thiết bị đã xuống cấp và thường xuyên hư hỏng, chi phí sản xuất cao do giá đất nguyên liệu tăng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng cao v.v... làm cho giá thành tăng nhưng giá bán không thể tăng.

Trong khi đó, nếu đơn vị đầu tư vào dây chuyền sản xuất gạch không nung sẽ giải quyết được tận dụng mặt bằng hiện có thuận tiện giao nhận cả bằng đường thủy, đường bộ.

Từ những nguyên nhân trên cho thấy việc đơn vị dự kiến đầu tư vào dây chuyền sản xuất gạch không nung là cần thiết và kịp thời, thể hiện sự linh động, nắm bắt thời cơ để mang về lợi nhuận và đảm bảo mục tiêu tăng trưởng chung.

*** Qui mô dự án:**

- Diện tích cần thiết, địa điểm: 2.000 m², Phú Hưng – TP Bến Tre.
- Nhà xưởng, sân bãi: Cải tạo nhà xưởng, sân bãi hiện có tại PX Sản xuất gạch.
- Thiết bị: Dây chuyền sản xuất gạch không nung - công nghệ Nhật Bản.
- Sản phẩm: Gạch ống 4 lỗ, qui cách 180 x 180 x 80 mm.
- Công suất thiết kế: 30.000.000 viên/năm.
- Nhân sự: Nhân sự tại PX Gạch và tuyển dụng thêm (nếu cần).
- Tổng vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng, trong đó:
- Nguồn vốn: Vay ngân hàng, lãi suất 9% năm, thời gian vay: 07 năm.

*** Hiệu quả đầu tư:**

Nhà máy gạch không nung sau khi đưa vào hoạt động sẽ giúp góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận và nhất là khai thác có hiệu quả diện tích đất tại phân xưởng sản xuất gạch.

* Thời gian: Dự kiến sẽ đầu tư trong quý IV/2019.

b) Đối với mặt hàng gạch terrazzo :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
A		B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Sản lượng SX gạch TP	1.000 v	33.000	21.728	23.000	66%	106%
	Sử dụng nội bộ	1.000 v	14.000	13.642	14.000	97%	103%
2	Sản lượng gạch TP bán ra	1.000 v	19.000	9.590	10.000	50%	104%

Kế hoạch hoạt động sxkd năm 2019

3	Doanh thu	1.000 đ	2.000.000	1.047.053	1.030.000	52%	98%
4	Chi phí	1.000 đ	1.870.000	1.008.628	980.000	54%	97%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	130.000	38.425	50.000	30%	130%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%	6,50%	3,67%	4,85%		

Để nâng cao chất lượng phục vụ, tạo sự hài lòng tối đa cho khách hàng thì đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hoạt động này để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, để đạt mục tiêu trên thì đơn vị phải chú trọng đến công tác kiểm tra, giám sát từ khâu nhập nguyên vật liệu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, giao nhận ... phải đảm bảo tính liên kết của các khâu và đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất và hạ giá thành khi cung ứng cho thị trường;

c) Hoạt động sản xuất tole & xà gồ:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	25.000	16.228	10.000	65%	62%
2	Sử dụng nội bộ:	1.000 v	21.000	14.197	8.500	68%	60%
3	Sản lượng gạch TP KD bán ra	1.000 v	4.000	2.031	1.500	51%	74%
4	Doanh thu	1.000 đ	500.000	263.243	226.000	53%	86%
-5	Chi phí	1.000 đ	480.000	254.882	220.000	53%	86%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	20.000	8.361	6.000	42%	72%

Tiến hành rà soát lại toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sử dụng nguyên vật liệu, giá nguyên liệu đầu vào ... để giảm giá thành, tạo lợi thế cạnh tranh.

2.2.7/ Hoạt động vận tải hàng hóa :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
						KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Doanh thu	1.000 đ	1.500.000	1.038.434	2.429.000	162%	234%
2	Chi phí	1.000 đ	1.480.000	3.221.387	2.400.000	162%	75%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	20.000	-2.182.953	29.000	145%	(1,4%)

Các qui trình bảo dưỡng, vận hành phương tiện phải được thực hiện nghiêm chỉnh nhằm đảm bảo các phương tiện luôn được bảo quản tốt, luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, không để xảy ra các hư hỏng do lỗi chủ quan của tài xế.

Công tác điều động phương tiện giao nhận hàng phải được phối hợp nhịp nhàng từ khâu tiếp nhận đơn hàng, đặt hàng, điều động phương tiện, giao nhận ... nhất là các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phải được từng khâu giải quyết trong phạm vi, chức trách được giao và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến giải quyết nếu vượt thẩm quyền.

Trong năm 2019, Ban Giám đốc sẽ trình cấp có thẩm quyền để thanh lý bớt tài sản xe máy vận chuyển hàng hóa, tinh gọn lại bộ phận vận tải phối hợp cơ chế khoán lương theo, thu gọn lại các cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng không hiệu quả, tinh gọn lại bộ phận sản xuất trực tiếp...

2.3. Công tác tái cơ cấu công ty:

Nhìn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2018 theo số liệu báo cáo của bộ phận Kế toán tài chính nhận thấy không đạt hiệu quả. Tuy về doanh thu hoạt động xây dựng; doanh thu kinh doanh bán hàng ... có đạt so với kế hoạch năm 2018 đề ra tuy nhiên lợi nhuận sau cùng chưa cao. Nguyên nhân một phần do bộ máy quản lý còn công kênh, lỏng lẻo dẫn đến phát sinh chi phí quản lý cao và đặc biệt là áp lực từ việc phải trả lãi vay ngân hàng quá lớn.

Nếu tiếp tục hoạt động theo cơ chế như năm 2018 thì kế hoạch 2019 cũng không thấy khả quan hơn năm 2018 do các nguyên nhân sau:

+ Nguồn thu từ việc kinh doanh khai thác các mỏ cát san lấp không còn (các mỏ cho phép khai thác đã hết hạn từ cuối năm 2018 và đầu năm 2019);

+ Dự án Khu tái định cư Phú Tân (triển khai trước giai đoạn 1) bị chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân khách quan về thủ tục đất đai và cơ chế quản lý đầu tư xây dựng nên không đạt được doanh thu như kế hoạch – tiến độ đề ra ban đầu (về thủ tục điều chỉnh lại quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 xem như làm lại quy trình từ đầu dẫn đến kéo dài dòng đời dự án);

+ Việc đầu tư Chợ Mỹ Thạnh An chưa mang lại hiệu quả do chưa thống nhất với khách hàng hình thức nộp tiền khi thuê 24 ki ốt.

+ Việc kinh doanh bán hàng vật liệu xây dựng đạt hiệu quả chưa cao, thu hồi công nợ khách hàng còn chậm, dẫn đến việc khách hàng chiếm dụng vốn đầu tư hoạt động sản xuất của đơn vị;

+ Đặc biệt bộ phận vận tải kinh doanh không hiệu quả dẫn đến thua lỗ;

+ Các bộ phận nhà xưởng, kho bãi bố trí thiếu khoa học dẫn đến quản lý lỏng lẻo, chi phí quản lý cao dẫn đến bài toán tính giá thành cao hơn các nhà sản xuất tương đương khác không thể cạnh tranh được;

+ Đặc biệt chi phí lãi vay quá lớn nên việc kinh doanh không còn hiệu quả.

Để khắc phục những mặt hạn chế, tồn đọng nêu trên. Ban Điều hành Công ty Cổ phần VLXD Bến Tre trong năm 2019 sẽ xây dựng Đề án tái cơ cấu trình HĐQT, ĐHCĐ với một số định hướng như sau:

a) Tinh gọn bộ phận gián tiếp:

Sắp xếp, tinh gọn lại bộ phận gián tiếp quản lý có khoa học, bố trí đúng người phù hợp với công việc thực tế.

b) Bán khu đất Kho Mỹ An: (thông qua hình thức: thuê Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bến Tre - thuộc Sở Tư pháp Bến Tre làm tư vấn đấu giá hoặc thông tin trực tiếp thỏa thuận, chuyển nhượng với đối tác), lý do:

- Căn cứ Công văn số: 1806/UBND-TCĐT ngày 10/5/2011 của UBND tỉnh Bến Tre về việc chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại xã Mỹ Thạnh An thì phạm vi khu đất được điều chỉnh chức năng sử dụng là đất bến bốc xếp và đất công viên cây xanh sang đất xây dựng công trình dịch vụ là phù hợp với nhu cầu sử dụng, tuy nhiên về lâu dài nếu chủ trương có thay đổi chức năng sử dụng vào mục đích khác thì Công ty khó chuyển nhượng;

- Mặt khác nhìn tổng quan nhận thấy vị trí khu đất kho Mỹ An thuận tiện cho việc vận chuyển, tập kết vật tư, thiết bị máy móc cả đường sông lẫn đường bộ. Tuy nhiên khu đất có qui mô nhỏ, xa điểm tập kết các công trình lân cận về hiệu quả đầu tư làm kho bãi, bến bốc xếp vận chuyển hàng hóa chưa cao.

c) Di dời Trụ sở làm việc về Kho 2 xã Phú Hưng:

- Qua thông tin dự án “ĐTXD công trình hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư phường 8 và xã Phú Hưng thành phố Bến Tre” gọi tắt là “tuyến kè bờ Bắc sông Bến Tre” triển khai thực hiện quy hoạch về vị trí chỉ đến Cầu Gò Đàng, do đó vị trí Kho 2 xã Phú Hưng sẽ ổn định lâu dài.

- Sử dụng một ít kinh phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lại văn phòng làm việc tại Kho 2 làm trụ sở chính làm việc Công ty, xem như gom về một đầu mối thuận lợi cho việc điều hành, quản lý, kiểm tra bộ phận vận chuyển và kho bãi.

d) Bán/cho thuê trụ sở làm việc Công ty tại Khu tái định cư Mỹ Thạnh An:

- Như đã nêu khi dời trụ sở làm việc về Kho 2 thì đề xuất bán/cho thuê trụ sở làm việc Công ty tại Khu tái định cư Mỹ Thạnh An để tạo nguồn vốn đầu tư cho đơn vị.

Mục đích lập đề án:

Xây dựng “Đề án tái cơ cấu Công ty Cổ phần VLXD Bến Tre” nhằm mục đích:

- Trả bớt nợ vay và lãi vay ngân hàng;
- Giảm áp lực về đồng tiền vay và trả lãi ngân hàng;
- Tạo nguồn vốn đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư xây dựng của đơn vị;
- Tổ chức lại bộ máy làm việc có khoa học và hiệu quả.

Kết luận và đề xuất:

- Để Công ty tiếp tục hoạt động có hiệu quả, tạo lòng tin đối với các cổ đông thì “Đề án tái cơ cấu Công ty Cổ phần VLXD Bến Tre” nếu được chấp thuận phê duyệt sẽ phù hợp với nhu cầu thực tế và hoàn toàn khả thi.

2.4- Hoạt động Tài chính – Kế toán:

Để hoạt động tài chính – kế toán hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động khác thì năm 2019 đơn vị phải chú trọng đến:

- Công tác phân tích, đề xuất các vấn đề tài chính của các bộ phận nghiệp vụ phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời để tham mưu cho Ban Lãnh đạo một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện về thực trạng hoạt động tài chính. Chú trọng thực hiện tốt việc tham mưu, đề xuất những giải pháp hữu hiệu trong từng thời điểm, từng tình hình.

- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để tạo lợi thế về nguồn vốn vay và sự bảo lãnh để tham gia dự thầu, bảo lãnh mua hàng ... khi Công ty có nhu cầu.

- Kiểm tra việc thực hiện chính sách bán hàng; quản lý công nợ theo hạn mức bán hàng; theo dõi và đề xuất biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi ...

2.5- Công tác quản trị doanh nghiệp:

Bên cạnh việc tiếp tục xây dựng cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật thì đơn vị sẽ xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Một yếu tố quan trọng khác là phải bảo đảm lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động để họ yên tâm và có động lực tiếp tục cống hiến. Do đó, cần có cơ chế lương, thưởng, đãi ngộ rõ ràng, công bằng dựa trên hiệu quả công việc và tạo môi trường làm việc dân chủ, phát huy sáng tạo ... mới có thể giữ chân người tài, bảo đảm phát triển bền vững.

Tiến hành định kỳ các cuộc đối thoại trực tiếp và gián tiếp với người lao động để chủ động nhận diện được một cách khách quan tính thực tiễn những chính sách đang áp

dụng, các nguy cơ tiềm ẩn cũng như hoạch định những bước phát triển phù hợp một cách chủ động, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

2.6. Công tác Tổ chức - Hành chính và lao động tiền lương:

Tiếp tục chấp hành nghiêm túc Nội qui, Qui chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Tiếp tục thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB.CNV.

Song song với việc tái cấu trúc Công ty thì sẽ tiến hành sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên trách nhằm kích thích người lao động phát huy tối đa năng lực bản thân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc. Nhất là trong tình hình như hiện nay thì phải có đội ngũ nhân sự năng động, nhiệt huyết, có tinh thần cầu tiến ... để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời sẽ tiến hành điều chỉnh chính sách lương, thưởng cho phù hợp với tình hình mới.

2.7. Công tác Đảng - Đoàn thể :

HDQT, BGD Công ty sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn ... hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và qui định của cơ quan cấp trên. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém; hưởng ứng phong trào thi đua "Động khởi mới" của Tỉnh ủy.

Trên đây là phương hướng hoạt động năm 2019 của Ban Giám đốc Công ty kính trình với Quý cổ đông.

Xin trân trọng kính chào!

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, T.P Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Hội đồng quản trị Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bến Tre xin gửi tới Quý Cổ đông báo cáo gồm các phần như sau:

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018;
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động;
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty;
- Kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2019

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 :

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (viết tắt là HDQT) trong năm 2018 :

HDQT bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 11 cuộc họp (từ tháng 01 đến tháng 12).

Cụ thể như sau :

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	11	100%
2	Ông Phan Quốc Thông	Thành viên	11	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	11	100%
4	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên	09	100%
5	Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	10	90%

2. Những hoạt động chính của HDQT trong năm 2018 :

a/ Hàng tháng, HDQT tiến hành họp định kỳ một lần, trong phiên họp, HDQT nghe BGD báo cáo các vấn đề :

- o Báo cáo tình hình hình thực hiện và kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thi công xây dựng... định kỳ hàng tháng, quý, năm.
- o Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.
- o Các báo cáo về công tác tổ chức, hành chính, nhân sự...
- o Báo cáo tiến độ thực hiện các dự án Mỹ Thạnh An, dự án Phú Tân... hàng tuần.
- o Phương án xử lý công nợ và tiến độ thu hồi công nợ... hàng tuần.
- o Thông qua và duyệt quyết toán tiền lương năm 2018 và xây dựng kế hoạch lao động tiền lương năm 2019.

Theo đó, HĐQT đã kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp, chỉ đạo giúp BGD điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

b/ Ngoài các nội dung trên, HĐQT Công ty xem xét và thống nhất trình lên ĐHCD thường niên các vấn đề sau: Báo cáo HĐQT, Báo cáo Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận, Thù lao của HĐQT và BKS, Kế hoạch tài chính năm kế tiếp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHCD), ủy quyền cho HĐQT xây dựng và phê duyệt đề án tái cơ cấu công ty năm 2019.

Với kết quả hoạt động SXKD đã đạt được, HĐQT đã thực hiện theo đúng tinh thần các nghị quyết ĐHCD, các quy định tại Điều lệ, quy định hiện hành của pháp luật; tạo được niềm tin với cổ đông; giữ vững uy tín thương hiệu Công ty trên thương trường; xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT :

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	25/05/2018	- Thông qua thời gian hợp và tài liệu hợp ĐHCD thường niên năm 2018
2	02/2018/NQ-HĐQT	08/06/2018	-Thông qua việc tái ký hợp đồng tín dụng năm 2018-2019 với ngân hàng BIDV & DAB Bến Tre
3	03/2018/NQ-HĐQT	15/06/2018	- HĐQT thống nhất bầu Bà Mai Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và ông Phan Quốc Thông giữ chức vụ Giám đốc công ty
4	04/2018/QĐ-HĐQT	27/06/2018	- Chọn Cty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 của công ty và ủy quyền Ông Phan Quốc Thông – Giám đốc công ty ký kết hợp đồng. - Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức năm 2017: 04/07/2018 và thời gian chi trả: 20/07/2018
5	05/2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	- Thông qua phân công nhiệm vụ trong HĐQT và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018. - Thông qua việc tái bổ nhiệm Người điều

		<p>hành công ty, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Thanh Huy: Phó giám đốc phụ trách hoạt động kinh doanh công ty. Ông Lê Quốc Cường: Phó giám đốc phụ trách hoạt động khai thác cát công ty. Ông Nguyễn Hoài Yên: Phó giám đốc phụ trách hoạt động thi công xây dựng công ty. Ông Phan Tấn Mỹ: Kế toán trưởng công ty. -Thông qua đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương năm 2018, cụ thể như sau: Quỹ lương của cán bộ quản lý (05 người): 1.101.888.000 đồng Quỹ lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 60.000.000 đồng Đơn giá tiền lương hoạt động SXKD: 530/1000 đồng lợi nhuận trước thuế và tiền lương. - Thông qua việc chuyển nhượng thửa đất tại xã Phú Nhuận, TP Bến Tre có diện tích 4.131 m² với giá bán tối thiểu là 8 tỷ đồng. - Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty đối với bà Bùi Minh Lý thay cho bà Nguyễn Thị Kim Thi. Ủy quyền Ông Phan Quốc Thông ký quyết định bổ nhiệm nhân sự</p>
6	06/2018/NQ-HĐQT	<p>26/09/2018</p> <p>- Ghi nhận số liệu 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty. - Về Tờ trình đầu tư chợ Mỹ Thạnh An: dự án chợ Mỹ Thạnh An nằm trong kế hoạch đầu tư năm 2018 đã trình ĐHCĐ và thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công ty. Ban điều hành hoàn thiện Tờ trình đầu tư chợ Mỹ Thạnh An. - Về Tờ trình đầu tư sà lan tự hành: dự án đầu tư sà lan nằm trong kế hoạch đầu tư năm 2018 đã trình ĐHCĐ và thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công ty. Ban điều hành bổ sung thuyết minh về năng lực vận tải hiện có, nhu cầu chuyên chở của Công ty. - Ban điều hành Công ty đảm bảo tính thanh</p>

			thoản và an toàn tài chính của Công ty trong phương án đầu tư. - Ban điều hành Công ty xây dựng Quy chế nội bộ về đầu tư dự án và mua sắm tài sản.
7	07/2018/NQ-HĐQT	30/10/2018	Nghị quyết thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
8	08/2018/QĐ-HĐQT	30/10/2018	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
9	09/2018/NQ-HĐQT	12/12/2018	Thông qua Tờ trình của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu trong phương án đầu tư xây dựng công trình chợ Mỹ Thạnh An.

3. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (viết tắt là BGD):

HĐQT thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHCĐ) và HĐQT, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc. HĐQT đã chỉ đạo ban Giám đốc một số nội dung chính như sau :

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2019 trình ĐHCĐ thường niên năm 2019.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ và HĐQT đề ra.
- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BGD đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Rà soát, đôn đốc thu hồi công nợ, trích lập dự phòng, quản lý chi phí, lao động, tiền lương.
- Rà soát, có ý kiến chỉ đạo về việc triển khai các dự án của Công ty: dự án Phú Tân, dự án chợ Mỹ Thạnh An, đầu tư sà lan.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Báo cáo chi phí thù lao của HĐQT Công ty năm 2018:

- Thù lao của chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT: 0 đồng
- Thù lao của Ban Kiểm soát: 0 đồng

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG:

1. Kết quả hoạt động năm 2018:

1.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
					TH2018/ TH2017	TH2018/ KH2018
1	Tổng doanh thu	212.594.865	225.000.000	227.886.134	107%	101%
a	Bán hàng & cung cấp DV	208.427.533	221.480.000	226.722.877	109%	102%
b	Thu nhập khác	4.150.369	3.500.000	1.133.998	27%	32%
c	Thu nhập hoạt động TC	16.963	20.000	29.259	172%	146%
2	Tổng chi phí	206.203.516	214.880.000	226.451.814	110%	105%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.391.349	6.600.000	1.434.319	22%	22%
4	Nộp ngân sách	17.748.802	18.400.000	18.862.760	106%	103%

* Kết quả đã đạt được:

- Chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc thực thi các nhiệm vụ được giao: hạch toán kế toán, đơn đốc thu hồi công nợ và đưa ra giải pháp thu hồi,

- Đã được phê duyệt và triển khai bán dự án chợ Mỹ Thạnh An.

- Đã hoàn thành việc xây dựng 95% dự án Phú Tân nhưng Công ty còn đang vướng mắc trong việc hoàn thiện thủ tục giấy tờ: đổi tên từ Khu tái định cư thành Khu dân cư.

* Những mặt chưa đạt được:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 101% so với kế hoạch và 107% so với thực hiện năm 2017. Tuy nhiên lợi nhuận của Công ty sụt giảm mạnh, chỉ đạt 22% so với kế hoạch và 22% so với thực hiện năm 2017.

- Một số mảng hoạt động kinh doanh của Công ty thua lỗ hoặc lãi ít: KD vật liệu xây dựng lỗ 3,8 tỷ đồng; sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, tole xà gò) lãi 4 triệu đồng; hoạt động vận tải lỗ 2,183 tỷ đồng.

- Một số mảng hoạt động chính mang lại lợi nhuận cho Công ty bị sụt giảm: thi công san lấp, xây dựng: tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu hoạt động thi công xây lắp chỉ đạt được 1% giảm 1,16% so với TH năm 2017 là 2,16%, dẫn tới lợi nhuận trước thuế chỉ đạt được 1,052 tỷ đồng; Hoạt động khai thác cát: tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu chỉ đạt được 12% so với TH năm 2017 là 14,65% dẫn tới lợi nhuận trước thuế chỉ đạt được 1,8 tỷ đồng.

=> Tổng cộng nếu không tính tiền thu từ việc bán tài sản thừa đất tại xã Phú Nhuận,

Bến Tre thì Công ty lỗ 2,6 tỷ đồng.

- Nợ phải thu lớn, để khách hàng chiếm dụng vốn. Tỷ lệ nợ khách hàng/tổng doanh thu của đại lý lớn hơn quy định. Ban Điều hành chưa tích cực, chủ động trong công tác thu hồi nợ phải thu khó đòi.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019:

1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG :

- **Trung hạn:** Triển khai nhanh, hiệu quả các dự án Công ty làm chủ đầu tư; nâng cao chất lượng thi công, xây dựng các công trình; tăng cường chiếm lĩnh thị phần vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- **Dài hạn:** Mở rộng địa bàn thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng ra các tỉnh lân cận.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

2.1. Chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
					KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
					(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Tổng doanh thu	225.000.000	227.886.134	222.948.000	99%	98%
2	Tổng LN trước thuế	6.600.000	1.434.319	5.129.000	78%	358%
3	Cổ tức	11.5%	0%	8%		

2.2. Hoạt động kinh doanh chung:

- Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo quy định, tổ chức họp định kỳ để thảo luận và đưa ra chỉ đạo kịp thời cho hoạt động điều hành.

- Đôn đốc thu hồi công nợ phải thu khó đòi: đối với những khách hàng cố tình không thanh toán sẽ thuê đơn vị thứ ba để thu hồi hoặc đưa ra tòa án để xử lý; đối với những khoản tạm ứng nội bộ không thanh toán theo đúng thời hạn sẽ thực hiện trừ lương hàng tháng hoặc sử dụng biện pháp khác.

- Rà soát lại phương án Đầu tư xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An (xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre) để phát huy hiệu quả hoạt động.

- Xem xét, chỉ đạo việc thực hiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương nghiên cứu, chủ trương đầu tư điều chỉnh mở rộng dự án Phú Tân giai đoạn 2, song song với việc thực hiện dự án Phú Tân giai đoạn 1 và đổi tên từ Khu Tái định cư Phú Tân thành Khu Dân cư Phú Tân.

- Xem xét chủ trương nghiên cứu Dự án Đầu tư xây dựng Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An mở rộng.

Báo cáo Hội đồng quản trị

- Xem xét và chỉ đạo việc tham gia đấu giá quyền khai thác các mỏ cát của UBND tỉnh Bến Tre.

- Xem xét và chỉ đạo thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung theo thẩm quyền.

- Rà soát, thẩm định và trình ĐHCĐ bất thường trong năm 2019 phương án tái cơ cấu với một số định hướng theo đề xuất của Giám đốc Công ty như sau:

+ Đánh giá lại toàn bộ hiệu quả hoạt động của từng mảng kinh doanh, số lượng, chất lượng nhân sự và xây dựng chiến lược, chính sách phát triển kinh doanh, chính sách khoán cho phù hợp.

+ Rà soát lại các cơ sở nhà đất của Công ty, xem xét việc bán khu đất Kho Mỹ An, bán trụ sở Công ty ở Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An và di chuyển trụ sở về Kho 2 xã Phú Hưng để thực hiện chủ trương đầu tư dự án xây dựng: Phú Tân – giai đoạn 2 (phường Phú Tân, TP Bến Tre),

Trên đây là báo cáo về Hoạt động của HĐQT về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2018, và phương hướng năm 2019.

Kính trình với Đại hội !

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI THỊ THANH THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (*đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI THỊ THANH THÚY



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và Phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 2018, phương án trích lập quỹ và chia cổ tức như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	Đồng	227.886.133.875
2	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	521.087.388
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.434.319.372
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.096.231.984
5	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	0
6	Tổng lợi nhuận còn lại phân phối	Đồng	1.096.231.984
7	Lợi nhuận giữ lại năm trước	Đồng	0
8	Cổ tức (*)	(0%/VDL)	0
9	Lợi nhuận giữ lại	Đồng	1.096.231.984

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI THỊ THANH THÚY



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

**Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch
thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

- Hội đồng quản trị : 0 đồng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 0 đồng
- Trưởng Ban kiểm soát : 0 đồng
- Thành viên Ban kiểm soát : 0 đồng

Tổng số tiền thù lao năm 2018 : 0 đồng

2. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

Trong trường hợp Công ty đạt hoặc vượt kế hoạch, HĐQT đề xuất được chủ động tạm ứng thù lao HĐQT, BKS theo kết quả kinh doanh, chi trả lương của Trưởng BKS chuyên trách theo mức như sau:

2.1 Thù lao của HĐQT

- Chủ tịch HĐQT: 4.500.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng.

2.2 Thù lao của BKS

- Trưởng BKS đã nhận tiền lương chuyên trách nên thù lao là 0 đồng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng.

2.3 Thưởng HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt theo đề xuất của BGD (nếu đạt chỉ tiêu lợi nhuận): 10% LNST vượt kế hoạch nhưng không quá 500 triệu đồng.

2.4 Lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là: 10 triệu đồng/tháng.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI THỊ THANH THỦY

TT	Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	KH 2018	TH 2018	%TH/KH
	Khai thác cát	8,426	17,949	4,380	15,138	346%
	Thành phẩm	2,959	2,230	2,500	1,479	59%
	Thi công xây dựng công trình	119,638	117,248	130,000	131,588	101%
	Vận tải hàng hóa	1,785	1,999	1,500	1,038	69%
	Kinh doanh bất động sản - khu TĐC	1,100	1,805	1,100	1,201	109%
	Kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-	-	9,086	
	Khac	3	191	-	-	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	43	17	20	29	
3	Thu nhập khác	4,634	4,150	3,500	1,134	32%
II	TỔNG CHI PHÍ	210,384	206,204	218,399	226,451	104%
1	Giá vốn hàng bán	192,458	186,178	197,373	205,682	104%
2	Chi phí bán hàng	4,558	3,911	4,106	3,715	90%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,246	9,049	9,501	9,900	104%
4	Chi phí tài chính- lãi vay	6,081	6,836	7,178	7,070	98%
5	Chi phí khác	42	230	241	85	35%
III	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	7,881	6,391	6,601	1,434	22%
IV	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	6,296	5,112	-	1,096	

Tỷ suất lợi nhuận gộp

Khoản mục	2016	2017	2018
	TSLN gộp	TSLN gộp	TSLN gộp
Vật liệu xây dựng (hàng hóa)	8.1%	4.9%	7.9%
Khai thác cát	37.5%	48.5%	16.1%
Doanh thu thành phẩm	-3.4%	-0.9%	8.3%
Thi công xây dựng công trình	9.8%	9.1%	8.7%
Vận tải hàng hóa	-7.6%	-52.8%	-185.4%
Kinh doanh bất động sản TĐC	6.0%	32.9%	-37.2%
Kinh doanh bất động sản đầu tư			44.9%

Lợi nhuận ròng trước thuế

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Doanh thu	Tổng chi phí các bộ phận					Lợi nhuận ròng trước thuế	Tỷ suất LN ròng
		CP GVHB	CP BH	CP QLDN	CP lãi vay	Cộng		
Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng (hàng hóa)	67,193	61,903	3,715	3,054	2,328	71,001	(3,808)	-6%
Khai thác cát	15,138	12,708		627		13,335	1,803	12%
Thành phẩm	1,479	1,357		67	51	1,475	4	0%
Thi công xây dựng công trình	131,588	120,094		5,925	4,517	130,536	1,052	1%
Vận tải hàng hóa	1,038	2,964		146	111	3,222	(2,183)	-210%
Kinh doanh bất động sản - khu TĐC	1,201	1,647		81	62	1,790	(590)	-49%
Kinh doanh bất động sản đầu tư	9,086	5,009				5,009	4,077	45%
Cộng	226,723	205,682	3,715	9,900	7,070	226,367	355	

Trong năm, doanh thu hoạt động khai thác cát tăng vượt so với kế hoạch 346% tương đương 10,7 tỷ đồng và doanh thu ngoài kế hoạch đối với bất động sản đầu tư số tiền 9 tỷ đã bù đắp cho những mảng kinh doanh như: Vật liệu xây dựng hàng hóa, vận tải hàng hóa không đạt kế hoạch và không có lợi nhuận. Trong trường hợp, loại trừ doanh thu từ chuyển nhượng thửa đất tại xã Phú Nhuận, Bến Tre, nằm ngoài kế hoạch kinh doanh năm 2018 (9 tỷ đồng) thì lợi nhuận trước thuế lỗ số tiền tương đương 2,6 tỷ đồng và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ 3,7 tỷ đồng (không bao gồm thu nhập khác).

Lĩnh vực thi công xây dựng của Công ty có Doanh thu chiếm tỷ trọng 58% trong tổng Doanh thu, mảng kinh doanh này luôn duy trì và đạt kế hoạch về Doanh thu, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp giảm qua các năm và lợi nhuận ròng năm 2018 thấp.

Kinh doanh vật liệu xây dựng (tỷ lệ 82% kế hoạch), vận tải hàng hóa (tỷ lệ 69% kế hoạch) và kinh doanh bất động sản khu tái định cư Mỹ Thạnh An lỗ tương đương 6,6 tỷ đồng.

Do chi phí tăng nên những hoạt động có Doanh thu đạt và vượt kế hoạch như khai thác cát, thi công xây dựng công trình có lợi nhuận ròng chưa cao tương đương 2,8 tỷ đồng

Tỷ lệ chi phí giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần của năm 2018 tăng 2,9 % so với năm 2017, tỷ lệ chi phí quản lý và chi phí lãi vay tăng đều trong năm 2017, 2018.

Do đó: kết quả kinh doanh của Công ty có lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 22% so với kế hoạch (kế hoạch: 6,6 tỷ, thực hiện: 1,4 tỷ)

1.2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Chỉ tiêu cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	25.81%	30.18%	30.26%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	74.19%	69.82%	69.74%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	66.52%	66.21%	70.82%
Vốn CSH / Tổng nguồn vốn	33.48%	33.79%	29.18%
Nợ phải trả / VCSH (lần)	1.99	1.96	2.43
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tỷ số t/t hiện hành (TSLD/NNH) (lần)	1.13	1.08	1.04
Tỷ số t/t nhanh (TSLD-HTK)/NNH (lần)	1.00	0.88	0.83
Khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ TTS (ROA)	3.25%	2.73%	0.53%
Hệ số LNST/ Vốn CSH (ROE)	9.70%	8.08%	1.83%
Hệ số LNST/ Tổng doanh thu (ROS)	2.88%	2.40%	0.48%
Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay phải thu khách hàng (lần)	2.04	2.28	3.16
Vòng quay phải trả người bán (lần)	14.59	10.23	10.62
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	11.26	11.30	6.63

Tỷ lệ nợ phải trả năm nay tăng cao so với các năm trước, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 2,43 lần, tỷ lệ này được HĐQT phê duyệt ở mức 2,3 lần.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán và khả năng sinh lời của Công ty giảm dần qua các năm.

Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2018: 59,8 tỷ đồng, tổng nợ phải thu của khách hàng 76,8 tỷ (Kinh doanh mua bán hàng hóa: 23,5 tỷ đồng, thi công xây dựng 53,3 tỷ đồng) chiếm tỷ lệ 128% so với vốn chủ sở hữu.

1.3. Chế độ chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng Nghị định số 05/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 và thông tư hướng dẫn số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

HĐQT đã có Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 27/4/2019, thông qua quỹ tiền lương thực hiện 2018:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TH 2017	KH 2018	TH 2018
A. Người lao động			
Quỹ lương	7,104,300,000	7,508,772,000	6,240,642,990
Số lượng lao động BQ (người)	121	113	112
Tiền lương BQ (người/tháng)	4,892,769	5,537,442	4,643,336
B. Người quản lý chuyên trách			
Quỹ lương	1,001,700,000	1,161,888,000	885,008,700
Số lượng BQ (người)	6	6	6
Tiền lương BQ (người/tháng)	13,912,500	16,137,333	12,291,788
(A+B): Tổng quỹ lương	8,106,000,000	8,670,660,000	7,125,651,690

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ BHXH, BHYT, BHTN trong năm cho cán bộ nhân viên.

Thang bảng lương áp dụng cho năm 2018 Công ty đăng ký và đã được Phòng lao động – Thương Binh và xã hội chấp thuận ngày 13/8/2019.

Tổng số lao động tính đến 31/12/2018 là 107 người, số lao động bình quân trong năm là 112 lao động, bao gồm 102 hợp đồng vô thời hạn, 10 hợp đồng có thời hạn.

Đối với Quỹ tiền lương của Người quản lý, tổng cộng bao gồm 6 người (Giám đốc, 03 Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát), trong đó Trưởng ban kiểm soát đã có văn bản không nhận tiền lương của năm 2018. Theo BKS thì việc chi trả tiền lương của cán bộ quản lý phải được tính toán để gắn liền với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc sắp xếp sử dụng và bố trí lao động chưa phù hợp dẫn đến năng suất lao động và thu nhập của người lao động giảm.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	TH 2017	KH 2018	TH 2018
Doanh thu thuần	208,428	221,480	226,723
Tổng chi phí thuần	205,974	218,185	226,367
Tổng CP thuần không lương	197,868	209,629	219,241
DTT-CP thuần không lương	10,560	11,851	7,482
Số lượng lao động BQ (người)	121	113	112
Năng suất lao động	87	105	67
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	6,391	6,601	1,434

1.4. Thù lao HĐQT, BKS Công ty

Tại Biên bản họp ngày 27/4/2019, HĐQT đã thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua:

- Lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát năm 2018 là: 0 đồng

- Thù lao HĐQT, BKS năm 2018 là: 0 đồng
- 2. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

HĐQT gồm có 05 thành viên:

 1. Bà Mai Thị Thanh Thủy - Chủ tịch HĐQT
 2. Ông Phan Quốc Thông - Thành viên HĐQT
 3. Ông Nguyễn Thanh Huy - Thành viên HĐQT
 4. Ông Nguyễn Văn Thạnh - Thành viên HĐQT
 5. Ông Lê Đình Nhiên - Thành viên HĐQT
- Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và ban hành các quyết định, Nghị quyết để Giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty:
 - Tái ký hợp đồng tín dụng năm 2018 – 2019 với ngân hàng BIDV và Đông Á Bến Tre
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty
 - Phân công nhiệm vụ trong HĐQT và xây dựng kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018
 - Tái bổ nhiệm Người điều hành công ty
 - Thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018
 - Thông qua việc chuyển nhượng thửa đất tại xã Phú Nhuận, Bến Tre với giá bán tối thiểu là 8 tỷ đồng.
 - Tổ chức các cuộc họp đôn đốc Ban giám đốc trong công tác quản lý và thu hồi công nợ phải thu, rà soát tỷ lệ nợ phải trả
 - Phê duyệt việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty
- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, tuân thủ điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Các phiên họp HĐQT trong năm có mời Ban Kiểm soát tham dự.
- Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo

Điều lệ, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị theo đúng pháp luật.

3. Kiểm soát hoạt động của Ban giám đốc

Ban Giám đốc có 04 thành viên như sau :

1. Ông Phan Quốc Thông - Giám đốc
2. Ông Nguyễn Thanh Huy - Phó giám đốc, phụ trách hoạt động kinh doanh
3. Ông Lê Quốc Cường - Phó giám đốc, phụ trách khai thác cát
4. Ông Nguyễn Hoài Yên - Phó giám đốc, phụ trách thi công xây dựng

- Cùng với HĐQT, Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành sản xuất kinh doanh.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Kết quả kinh doanh chưa đạt so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận đạt được là 22% so với kế hoạch (kế hoạch: 6,6 tỷ, thực hiện: 1,4 tỷ), do có thêm doanh thu từ việc chuyển nhượng thửa đất tại xã Phú Nhuận, Bến Tre, nằm ngoài kế hoạch kinh doanh của năm đã được ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua nên lợi nhuận trước thuế là 1,4 tỷ đồng, trong trường hợp không có khoản doanh thu này thì Công ty sẽ lỗ tương đương 2,6 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.
- Về công tác quản lý điều hành:
 - Trong năm, Ban điều hành chưa chỉ đạo kịp thời trong công tác thu hồi công nợ, chưa kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản nợ phải trả để vượt tỷ lệ qui định, sắp xếp nhân sự chưa phù hợp từ đó dẫn đến năng suất lao động và thu nhập của người lao động giảm.
 - Phê duyệt các khoản tạm ứng và dư nợ cho khách hàng không chặt chẽ, buông lỏng dẫn đến dư nợ phải thu là **88 tỷ đồng** (*phải thu khách hàng: 76,8 tỷ, tạm ứng: 0,8 tỷ anh Huy – PGD và anh Nhân, chưa thu hồi từ các Đội thi công đối với các công trình đã quyết toán: 10,5 tỷ*), trong khi đó nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu 2,43 lần, trong đó nợ vay ngân hàng là **97,5 tỷ đồng** (*ngắn hạn: 89,3 tỷ, dài hạn: 8,2 tỷ*) với lãi suất vay ngắn hạn từ 7,2% – 7,5%, dài hạn từ 10,4% – 10,7%. Khoản tạm ứng chậm hoàn trả của anh Huy được tạm tính lãi đến 31/12/2018 là 39,4 triệu đồng, anh Nhân 43 triệu đồng.
 - Chi vượt quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2018, BKS đã có văn bản đề nghị Công ty phải thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, khoản chi vượt này được đưa vào khoản phải thu của Giám đốc.
 - Không kiểm soát chặt chẽ việc bán hàng khi nợ cũ khách hàng còn tồn đọng chưa thanh toán ví dụ như trường hợp bán hàng cho UBND xã Tân Thiềng: dư nợ đầu năm 977,8 triệu đồng, trong năm bán thêm 49,5 triệu đồng, cả năm chỉ thanh toán 676,6 triệu, dư nợ cuối năm 350 triệu đồng; UBND xã Hưng Khánh Trung B: dư nợ đầu năm 81,4 triệu đồng, trong năm bán thêm 138,4 triệu đồng, cả năm chưa thanh toán, dư nợ cuối năm 220 triệu đồng.
 - Bên cạnh đó, trong năm Công ty có giao dịch bán xăng dầu cho CT TNHH Xây

dụng Quyết Nghị với tổng giá bán (chưa bao gồm thuế GTGT): 3.083.988.028 đồng và giá vốn 3.064.487.728 đồng, lãi gộp: 19.500.300 đồng (tỷ lệ lợi nhuận gộp 0,63%), giao dịch mua bán này không đảm bảo mức lợi nhuận tối thiểu trong hoạt động kinh doanh.

II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG:

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc về công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban giám đốc tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ.

HĐQT, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, làm việc trên tinh thần đoàn kết, cởi mở, thẳng thắn đóng góp xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Công ty xem xét điều chỉnh các mảng kinh doanh không hiệu quả như: vận tải hàng hóa, mua bán vật liệu xây dựng,...) trực thuộc quản lý của bộ phận kinh doanh.
- Công ty cần sớm sắp xếp lại đội ngũ nhân sự đảm bảo việc phân công công tác phù hợp với năng lực chuyên môn, dần ổn định nhân sự nâng cao năng suất và thu nhập cho người lao động.
- Nghiên cứu triển khai ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quá trình điều hành quản lý (phần mềm kết nối các bộ phận, sử dụng hóa đơn điện tử trong việc bán hàng...). Số liệu giữa các bộ phận trong công ty như: kinh doanh, quản lý xây dựng, kế toán..., phải được thống nhất và nhất quán.
- Quản lý, sử dụng chi phí hợp lý, tiết kiệm hơn nữa từ cán bộ quản lý đến nhân viên nhằm mục đích tăng lợi nhuận cho năm sau.
- Kiểm soát và đánh giá chặt chẽ chất lượng hàng tồn kho, tài sản cố định là phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn chất lượng khi lưu thông và có hiệu quả sử dụng tốt nhất.
- Xây dựng hạn mức nợ và đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ, bên cạnh đó phải luôn đảm bảo tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu theo qui định.
- Xây dựng kế hoạch năm 2019 chi tiết và cụ thể, trong quá trình thực hiện phải luôn bám theo kế hoạch đã xây dựng, để có những điều chỉnh kịp thời nhằm mục tiêu đạt được kế hoạch đã đề ra.

Trong năm, các thành viên Ban kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện tính trung thực khách quan, tham gia sâu sát vào các mặt hoạt động tại Công ty.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật nhà nước;
- Tiếp tục thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty như: sắp xếp bộ máy nhân sự cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý và thu hồi công nợ,....
- Tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.
- Trong hoạt động của mình, để đạt được kết quả tốt nhất, Ban kiểm soát cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Trân trọng kính chào.

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

TM BAN KIỂM SOÁT

HUỲNH HỮU PHÚC



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

- Ủy quyền cho Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán có năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán chuyên nghiệp nằm trong danh sách các Công ty được kiểm toán Báo cáo tài chính các công ty niêm yết do Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

- Ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2019 với đơn vị kiểm toán đã được Ban kiểm soát lựa chọn.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

HUỶNH HỮU PHÚC



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre ngày 15/06/2018;
- Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHCD.VXB, ngày 15/06/2018
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của ông Phan Quốc Thông và ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên HĐQT CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre nhiệm kỳ 2018-2022.
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của ông Huỳnh Hữu Phúc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Phan Quốc Thông.
- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Huy.
- Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với ông Huỳnh Hữu Phúc.
- Danh sách đề cử bổ sung 01 thành viên HĐQT như sau:

+ Ông.....

+ Bà....

- Danh sách đề cử bổ sung 01 thành viên BKS như sau:

+ Ông/Bà:.....

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày tháng năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI THỊ THANH THỦY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Tôi tên là:.....

CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú :.....

Đơn vị Công tác:.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần. (Bằng chữ:
.....cổ phần)

Và Đại diện sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:
.....cổ phần) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cho tôi được tự đề cử, làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre bắt đầu nhiệm kỳ 2019-2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên. (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam.

Ngàythángnăm 2019

Người ứng cử

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2022

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Họ tên cổ đông:
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp: Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....
.....cổ phần).

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cho tôi/ Công ty tôi đề cử:

Ông /Bà:..... CMND/ Hộ chiếu số:
.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre nhiệm kỳ 2018 - 2022 tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên; (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam).

Ngàythángnăm 2019

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019 - 2022

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Tôi tên là:.....
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Đơn vị Công tác:.....
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....
.....cổ phần)
Và Đại diện sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....
.....cổ phần) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty cho tôi được tự đề cử, làm ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre nhiệm kỳ 2019 - 2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre .

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên. (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam.

Ngàythángnăm 2019

Người ứng cử

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019 - 2022

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Họ tên cổ đông:
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp: Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....
..... cổ phần).

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tôi/
Công ty tôi đề cử:

Ông /Bà:
CMND/ Hộ chiếu số:Ngày cấp:.....Nơi
cấp:.....
Địa chỉ thường trú:

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây
dựng Bến Tre nhiệm kỳ 2019 – 2022 tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên 2019
của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre .

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên; (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam).

Ngàythángnăm 2019

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2019

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị /Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre)

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam: Nữ:
- Ngày sinh:
- Quốc tịch:
- CMND/Căn cước số: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc:
- Trình độ văn hoá:
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ

11. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu:cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp:cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)